

Bản án số: 397/2022/DS- ST

Ngày: 31/8/2022

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tốt.

2. Ông Nguyễn Văn Quân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Khôi – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa: Bà **Lường Thị Lan** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 191/2022/DS-ST ngày 13 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 560/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 690/2022/QĐST- DS ngày 09 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A;

Địa chỉ: 130 đường Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Trúc L, bà Đặng Thu U - là người đại diện theo ủy quyền (Quyết định ủy quyền số 067/QĐ-ĐHG ngày 12/11/2021 và Quyết định ủy quyền số 056/QĐ-ĐHG ngày 06/7/2022); địa chỉ: phường ĐaKao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Ngọc Quốc B, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Khu phố 2, phường T, Quận a, Thành phố Hồ Chí Minh.;(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2021 của nguyên đơn và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng A (sau đây gọi là Ngân hàng) ký với ông Trần Ngọc Quốc B các Hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 00357421/0119350701T18012 ký ngày 09/08/2018; thời gian vay: 24 tháng; số tiền vay: 40.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi triệu đồng); lãi suất trong hạn: 7,5%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Mục đích vay: Tiêu dùng.

- Hợp đồng tín dụng số 00357421/0119350701T19013 ký ngày: 06/11/2019; thời gian vay: 24 tháng; số tiền vay: 30.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi triệu đồng); lãi suất trong hạn: 7,5%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; mục đích vay: Tiêu dùng.

- Hợp đồng tín dụng số 00357421/0119350701T20017: ký ngày 05/03/2020; thời gian vay: 48 tháng; số tiền vay: 40.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi triệu đồng); lãi suất trong hạn: 7,5%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay: Tiêu dùng

Trong quá trình vay vốn đến ngày 09/03/2020 đến nay, ông Trần Ngọc Quốc Bảo chỉ mới thanh toán được tổng số tiền là 42.810.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi hai triệu tám trăm mười nghìn đồng), trong đó: Tiền gốc: 35.752.083 đồng; tiền lãi trong hạn: 7.057.917 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần gọi điện nhắc nợ nhưng ông Trần Ngọc Quốc B vẫn không hợp tác thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do ông Trần Ngọc Quốc B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên từ ngày 28/03/2020, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 31/08/2022, ông Trần Ngọc Quốc B còn nợ Ngân hàng A tổng số tiền là: 107.417.122 đồng (Bằng chữ: Một trăm lẻ bảy triệu bốn trăm mười bảy nghìn một trăm hai mươi hai đồng), trong đó: Tiền gốc: 74.247.917 đồng; tiền lãi trong hạn: 3.130.164 đồng; tiền lãi quá hạn: 30.039.041 đồng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng A do bà Phạm Thị Trúc L, bà Đặng Thu U làm đại diện có nộp Bản tự khai xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án buộc ông Trần Ngọc Quốc B phải thanh toán ngay số tiền còn nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 31/8/2022 là 107.417.122 đồng (Bằng chữ: Một trăm lẻ bảy triệu bốn trăm mười bảy nghìn một trăm hai mươi hai đồng), trong đó: Tiền gốc: 74.247.917 đồng; tiền lãi trong hạn: 3.130.164 đồng; tiền lãi quá hạn: 30.039.041 đồng.

Ông Trần Ngọc Quốc B còn phải trả tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 01/9/2022 cho đến khi ông B thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng số 00357421/0119350701T18012 ký ngày 09/08/2018; Hợp đồng tín dụng số 00357421/0119350701T19013 ký ngày: 06/11/2019; Hợp đồng tín dụng số 00357421/0119350701T20017 được ký giữa ông B và Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông B đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt và không có ý kiến phản hồi đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Phiên tòa xét xử vụ án được mở vào lúc 09 giờ 00 ngày 09/8/2022 và 09 giờ 00 phút ngày 31/8/2022, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và thông báo về thời gian, địa điểm xét xử nêu trên nhưng bị đơn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (BLTTDS).

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu ông Trần Ngọc Quốc B trả số tiền còn nợ. Theo Kết quả cung cấp thông tin của Công an phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh thì “đương sự ông Trần Ngọc Quốc B, sinh năm 1990 hiện cư ngụ tại nhà không số (VB: Khu phố 2, phường T, Quận a, Thành phố Hồ Chí Minh”.

Bị đơn cư trú tại Quận 12 nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn Ngân hàng A do bà Phạm Thị Trúc L, bà Đặng Thu U làm đại diện có mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

Bị đơn ông Trần Ngọc Quốc B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Ông Trần Ngọc Quốc B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng ông Trần Ngọc Quốc B vắng mặt không rõ lý do cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, ông B đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] *Về yêu cầu của nguyên đơn:*

3.1 Đối với Hợp đồng tín dụng số 00357421/0119350701T18012 ký ngày 09/08/2018:

– Căn cứ vào Đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 23/7/2018 và Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00357421/0119350701T18012 ký ngày 09/08/2018 được ký giữa ông Trần Ngọc Quốc B và Ngân hàng có cơ sở để xác định ông B đã vay của Ngân hàng số tiền là 40.000.000 đồng, thời gian vay: 24 tháng; trả góp thành 24 kỳ bằng nhau, mỗi kỳ 1.950.000 đồng, kỳ cuối: 1.158.333 đồng; lãi suất trong hạn: 7,5%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông B đã thanh toán cho Ngân hàng được 08 kỳ với số tiền trả nợ gốc là 31.342.083 đồng và tiền lãi là 5.707.917 đồng. Kể từ ngày 28/3/2020 cho đến nay, ông B không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng, nên Ngân hàng đã chuyển khoản nợ của ông B thành khoản nợ quá hạn theo quy định trong Đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 23/7/2018 và Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00357421/0119350701T18012 ký ngày 09/08/2018 được thỏa thuận giữa ông B và Ngân hàng.

3.2 Đối với Hợp đồng tín dụng số 00357421/0119350701T19013 ký ngày 06/11/2019:

– Căn cứ vào Đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 28/10/2019 và Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00357421/0119350701T19013 ký ngày 06/11/2019 được ký giữa ông Trần Ngọc Quốc B và Ngân hàng có cơ sở để xác định ông B đã vay của Ngân hàng số tiền là 30.000.000 đồng, thời gian vay: 24 tháng; trả góp thành 24 kỳ bằng nhau, mỗi kỳ 1.440.000 đồng, kỳ cuối: 1.380.000 đồng, lãi suất trong hạn: 7,5%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông B đã thanh toán cho Ngân hàng được 03 kỳ với số tiền trả nợ gốc là 4.410.000 đồng và tiền lãi là 1.350.000 đồng. Kể từ ngày 28/3/2020 cho đến nay, ông B không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng, nên Ngân hàng đã chuyển khoản nợ của ông B thành khoản nợ quá hạn theo quy định trong Đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 28/10/2019 và Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00357421/0119350701T18012 ký ngày 06/11/2019 được thỏa thuận giữa ông B và Ngân hàng.

3.3 Đối với Hợp đồng tín dụng số 00357421/0119350701T20017 ký ngày 05/03/2020:

– Căn cứ vào Đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 27/02/2020 và Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00357421/0119350701T20017 ký ngày 05/03/2020 được ký giữa ông Trần Ngọc Quốc B và Ngân hàng có cơ sở để xác định ông B đã vay của Ngân hàng số tiền là 40.000.000 đồng, thời gian vay: 48 tháng; trả góp thành 48 kỳ bằng nhau, mỗi kỳ 1.085.000 đồng, kỳ cuối: 1.005.000 đồng, lãi suất trong hạn: 7,5%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông B đã thanh toán cho Ngân

hàng được bất kỳ kỳ nào với số tiền trả nợ gốc là 4.410.000 đồng và tiền lãi là 1.350.000 đồng. Kể từ ngày 28/3/2020 cho đến nay, ông B không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng, nên Ngân hàng đã chuyển khoản nợ của ông B thành khoản nợ quá hạn theo quy định trong Đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 27/02/2020 và Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00357421/0119350701T20017 ký ngày 05/03/2020 được thỏa thuận giữa ông B và Ngân hàng.

Theo quy định tại Điều 91, Điều 93, khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Ngân hàng A là tổ chức tín dụng được quyền cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng, Ngân hàng và ông Trần Ngọc Quốc B được quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng theo quy định của pháp luật. Do ông B vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Trần Ngọc Quốc B thanh toán khoản tiền nợ gốc còn lại là 35.752.083 đồng là có căn cứ.

Căn cứ vào điểm c khoản 4 Điều 13 và Điều 20 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng thì: *“Tổ chức tín dụng chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà khách hàng không trả được nợ đúng hạn theo thỏa thuận và không được tổ chức tín dụng chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ”*.

“Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn”.

Ngày 09/3/2020 ông Trần Ngọc Quốc B vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đến ngày 28/3/2020, Ngân hàng xác định ông B không trả nợ đúng hạn và số dư nợ gốc chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận giữa ông B và Ngân hàng là phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông Trần Ngọc Quốc B thanh toán số tiền lãi quá hạn tính từ ngày 28/3/2020 đến ngày 31/8/2022 với số tiền 7.057.917 đồng là có căn cứ.

Trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Trần Ngọc Quốc B nhưng ông B vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện, không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để bảo vệ quyền lợi của mình, cũng như không có bất cứ sự phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ và không có cơ sở để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Ngọc Quốc B. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở buộc ông Trần Ngọc Quốc B có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền của cả 03 khoản nợ trong các Hợp đồng tín dụng số 00357421/0119350701T18012 ký ngày 09/08/2018; Hợp đồng tín dụng số 00357421/0119350701T19013 ký ngày: 06/11/2019; Hợp đồng tín dụng số 00357421/0119350701T20017 tính đến ngày 31/8/2022 tổng cộng là 107.417.122 đồng (*Bằng chữ: Một trăm lẻ bảy triệu bốn trăm mười bảy nghìn một trăm hai mươi hai đồng*), trong đó: nợ gốc: 74.247.917 đồng; lãi trong hạn: 3.130.164 đồng; lãi quá hạn: 30.039.041 đồng. Ông Trần Ngọc Quốc B còn phải trả tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 01/9/2022 cho đến khi ông Trần Ngọc Quốc B thanh

toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất mà ông B đã thỏa thuận với Ngân hàng.

Ngân hàng A là tổ chức tín dụng có chức năng kinh doanh tiền tệ. Việc bị đơn chậm thanh toán nợ như trên gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Trần Ngọc Quốc B phải thanh toán toàn bộ khoản nợ trên một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Ngân hàng không phải chịu án phí và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí. Ông Trần Ngọc Quốc B phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 186, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463 và Điều 465 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào điểm c khoản 4 Điều 13 và Điều 20 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A về việc yêu cầu ông Trần Ngọc Quốc B trả nợ.

2. Buộc ông Trần Ngọc Quốc B có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A số tiền còn nợ tính đến ngày 31/8/2022 là 107.417.122 đồng (*Bằng chữ: Một trăm lẻ bảy triệu bốn trăm mười bảy nghìn một trăm hai mươi hai đồng*), trong đó: Tiền gốc: 74.247.917 đồng; tiền lãi trong hạn: 3.130.164 đồng; tiền lãi quá hạn: 30.039.041 đồng. Trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Trần Ngọc Quốc B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án

cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Ngọc Quốc B phải chịu án phí là 5.370.856 đồng (Năm triệu ba trăm bảy mươi nghìn tám trăm năm mươi sáu đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.434.538 đồng (Hai triệu bốn trăm ba mươi bốn nghìn năm trăm ba mươi tám đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0047251 ngày 06/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Hoài

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Hoài

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 31 tháng 8 năm 2022.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quân;
2. Ông Võ Văn Tốt.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 170/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng A;

Địa chỉ: 130 đường Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Trúc Ly, bà Đặng Thu Uyên - là người đại diện theo ủy quyền (Quyết định ủy quyền số 067/QĐ-ĐHG ngày 12/11/2021 và Quyết định ủy quyền số 056/QĐ-ĐHG ngày 06/7/2022); địa chỉ: 09 đường Đinh Tiên Hoàng, phường ĐaKao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Ngọc Quốc B, sinh năm 1990;

Địa chỉ: nhà không số (VB: 237/8A đường TTH21, tổ 13, Khu phố 2, phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.)(vắng mặt)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á về việc yêu cầu ông Trần Ngọc Quốc B trả nợ.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

2. Buộc ông Trần Ngọc Quốc B có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á số tiền còn nợ tính đến ngày 31/8/2022 là 107.417.122 đồng (*Bằng chữ: Một trăm lẻ bảy triệu bốn trăm mười bảy nghìn một trăm hai mươi hai đồng*), trong đó: Tiền gốc: 74.247.917 đồng; tiền lãi trong hạn: 3.130.164 đồng; tiền lãi quá hạn: 30.039.041 đồng. Trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Trần Ngọc Quốc B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong

khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Ngọc Quốc B phải chịu án phí là 5.370.856 đồng (Năm triệu ba trăm bảy mươi nghìn tám trăm năm mươi sáu đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.434.538 đồng (Hai triệu bốn trăm ba mươi bốn nghìn năm trăm ba mươi tám đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0047251 ngày 06/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Hoài